

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIẾN XƯƠNG
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 06-01-2022
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia
đình.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Hiền; bà Bùi Thị Ngoan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Khánh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Duy - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 01 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 111/2021/TLST-HNGĐ ngày 18/11/2021 về “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1997

Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Nhâm Văn B, sinh năm 1988

Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn Q, xã S, huyện K, tỉnh Thái Bình.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*) Tại đơn khởi kiện, lời khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình, thì nguyên đơn là chị Nguyễn Thị O trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau:

Chị và anh Nhâm Văn B tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 21/01/2013 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện K, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, chị và anh B sinh sống cùng gia đình anh B, vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã, chị bị anh B đánh nhiều lần. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và làm ăn kinh tế. Mặc dù chị đã nhiều lần nói chuyện, khuyên bảo anh Bách nhưng anh Bách không thay đổi dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Đến tháng 5/2020, chị về nhà mẹ đẻ tại xã N, huyện L, tỉnh Thanh Hóa sinh sống đến nay, vợ chồng cũng ly thân từ đó, mỗi người sống một nơi không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B.

Chị và anh B có 01 con chung là Nhâm Hải H, sinh ngày 26/9/2013, hiện nay con đang học lớp 3 trường Tiểu học S và ở cùng anh B. Ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng con vì con đang có cuộc sống ổn định, chị không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị không có việc làm và thu nhập, còn anh Bách là lao động tự do, thu nhập thế nào thì chị không biết.

Chị và anh B tự phân chia tài sản chung, không nợ ai tài sản gì, không có tài sản cho người khác vay. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*) Bị đơn là anh Nhâm Văn B trình bày:

Về điều kiện, trình tự, thủ tục kết hôn giữa anh và chị O như chị Oanh đã trình bày là đúng. Quá trình chung sống giữa anh và chị O đã xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tháng 5/2020 chị O bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng cũng ly thân từ đó đến nay. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên chị O xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn.

Anh và chị O có 01 con chung là Nhâm Hải H, sinh ngày 26/9/2013, hiện nay con đang học lớp 3 trường Tiểu học S và ở cùng anh. Ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con vì con đang có cuộc sống ổn định, không yêu cầu chị O phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh là lao động tự do, thu nhập khoảng 5.000.000đ/tháng, anh có đủ khả năng để nuôi con.

Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, không nợ ai tài sản gì, không có tài sản cho người khác vay.

*) Đại diện chính quyền địa phương nơi anh B cư trú cung cấp nội dung như sau:

Chị Nguyễn Thị O và anh Nhâm Văn B tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện K theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống, chị O và anh B có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên xô xát nhưng chưa đến mức địa phương phải can thiệp. Đến giữa năm 2020, do mâu thuẫn trầm trọng nên chị O về quê tại huyện L, tỉnh Thanh Hóa sinh sống đến nay, anh B và con chung vẫn sinh sống tại địa phương. Việc chị O và anh B đoàn tụ hay ly hôn là do hai người quyết định nhưng hai người khó có khả năng đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chị O và anh B có 01 con chung là cháu Nhâm Hải H, sinh ngày 26/9/2013, cháu đang học lớp 3 trường Tiểu học xã S, huyện K. Chị O đề nghị anh B nuôi dưỡng con là hợp lý vì cháu H đang có cuộc sống và học tập ổn định, sức khỏe bình thường.

Về tài sản chung của chị O và anh B địa phương không nắm được, vợ chồng không nợ gì đối với các tổ chức, đoàn thể tại địa phương.

*) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến tại phiên tòa giải quyết vụ án dân sự:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của pháp luật; bị đơn thực hiện không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

+ Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị O được ly hôn anh Nhâm Văn B.

+ Về nuôi con chung: Giao cho anh Nhâm Văn B trực tiếp nuôi dưỡng con Nhâm Hải H, sinh ngày 26/9/2013; chị O không phải cấp dưỡng nuôi con; chị O và anh B có quyền thăm nom và chăm sóc con, yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

+ Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

+ Chị Oanh phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

+ Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng nguyên đơn là chị Nguyễn Thị O và bị đơn là anh Nhâm Văn B đều xin vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự: Tòa án xét xử trong trường hợp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị O và anh Nhâm Văn B được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xô xát. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong làm ăn kinh tế. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung ngày càng căng thẳng nên đến tháng 5/2020 chị O nhà mẹ đẻ tại xã N, huyện L, tỉnh Thanh Hóa sinh sống đến nay, vợ chồng ly thân từ đó, mỗi người sống một nơi không còn quan tâm đến nhau. Chị O xin ly hôn, anh B đồng ý ly hôn nhưng anh B không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thể hiện việc hai người không còn khả năng đoàn tụ. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị O và anh B ngày càng căng thẳng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị O được ly hôn anh Nhâm Văn B là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Về nuôi con chung: Chị O và anh B có 01 con chung là Nhâm Hải H, sinh ngày 26/9/2013, hiện cháu H đang ở cùng anh B. Ly hôn, chị O đề nghị anh B trực tiếp nuôi con vì hiện tại chị không có đủ điều kiện để nuôi con, anh B cũng đề nghị được trực tiếp nuôi con; không yêu cầu chị O cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy: Chị O hiện tại không có việc làm, không có thu nhập, anh B có việc làm và thu nhập ổn định, có chỗ ở, ngoài ra anh B còn được sự hỗ trợ của gia đình nên cần giao cho anh B được trực tiếp nuôi dưỡng con Nhâm Hải H, chị O không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, phù hợp với nguyện vọng của con.

[4] Về tài sản chung: Chị O và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị O phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Căn cứ nhận xét trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 203, 235, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị O được ly hôn anh Nhâm Văn B.

2. Về nuôi con chung: Giao cho anh Nhâm Văn B trực tiếp nuôi dưỡng con Nhâm Hải H, sinh ngày 26/9/2013; không đặt ra giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này.

Chị O và anh B có quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng cho con khi cần thiết.

3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị O phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng chị O đã nộp tạm ứng lệ phí, án phí tại biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0001502 ngày 18/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Thái Bình thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kiến Xương;
- Đương sự;
- UBND xã S, huyện K, tỉnh Thái Bình (Nơi ĐKKH);
- UBND xã N, huyện L, tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện K;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Hồng Thái

